

Thông tin tin liên hệ của các thành phố và thị trấn tỉnh Akita(về trợ cấp cho phụ nữ mang thai)

秋田県の各市町村の問い合わせ先・ウェブサイト（妊婦給付）

Nº	Tên cơ quan	役所・役場名	Phòng ban phụ trách	担当窓口	Số điện thoại／電話番号	Trang web／ウェブサイト
1	Ủy ban thành phố Akita	秋田市役所	Phòng chăm sóc sức khỏe trẻ em	子ども健康課	018-883-1175	Trang web Ủy ban thành phố Akita
2	Ủy ban thành phố Noshiro	能代市役所	Phòng hỗ trợ chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em	こそだしえんか子育て支援課	0185-89-2946	Trang web Ủy ban thành phố Noshiro
3	Ủy ban thành phố Yokote	横手市役所	Phòng thúc đẩy sức khỏe cộng đồng	けんこうすいしんか健康推進課	0182-33-9600	Trang web Ủy ban thành phố Yokote
4	Ủy ban thành phố Odate	大館市役所	Trung tâm hỗ trợ trẻ em và gia đình	こども家庭センター	0186-43-7101	Trang web Ủy ban thành phố Odate
5	Ủy ban thành phố Oga	男鹿市役所	Trung tâm hỗ trợ trẻ em và gia đình	こども家庭センター	0185-27-8155	Trang web Ủy ban thành phố Oga
6	Ủy ban thành phố Yuzawa	湯沢市役所	Phòng chính sách phát triển trẻ em	こども未来課	0183-55-8275	Trang web Ủy ban thành phố Yuzawa
7	Ủy ban thành phố Kazuno	鹿角市役所	Phòng chăm sóc và nuôi dạy trẻ em	すこやか子育て課	0186-30-0265	Trang web Ủy ban thành phố Kazuno
8	Ủy ban thành phố Yurihonjyo	由利本荘市役所	Phòng chính sách phát triển trẻ em	こども未来課	0184-24-6319	Trang web Ủy ban thành phố Yurihonjyo
9	Ủy ban thành phố Katagami	湯上市役所	Trung tâm hỗ trợ trẻ em và gia đình	こども家庭センター	018-853-5372	Trang web Ủy ban thành phố Katagami
10	Ủy ban thành phố Daisen	大仙市役所	Trung tâm hỗ trợ trẻ em và gia đình	こども家庭センター	0187-73-6811	Trang web Ủy ban thành phố Daisen
11	Ủy ban thành phố Kita Akita	北秋田市役所	Phòng nhi đồng	こども課	0186-84-8778	Trang web Ủy ban thành phố Kita Akita
12	Ủy ban thành phố Nikaho	にかほ市役所	Trung tâm hỗ trợ trẻ em và gia đình	こども家庭センター	0184-74-4045	Trang web Ủy ban thành phố Nikaho
13	Ủy ban thành phố Semboku	仙北市役所	Phòng bảo hiểm xã hội	ほけんか保健課	0187-43-2252	Trang web Ủy ban thành phố Semboku
14	Ủy ban thị trấn Kosaka	小坂町役場	Phòng phúc lợi xã hội	ふくしか福祉課	0186-29-3925	Trang web Ủy ban thị trấn Kosaka
15	Ủy ban thôn Kamikoani	小阿仁村役場	Phòng phúc lợi cho cư dân	じゅうみんふくしか住民福祉課	0186-77-2222	—
16	Ủy ban thị trấn Fujisato	藤里町役場	Phòng hành chính thị dân	ちょうみんか町民課	0185-79-2113	Trang web Ủy ban thị trấn Fujisato
17	Ủy ban thị trấn Mitane	三種町役場	Phòng thúc đẩy sức khỏe cộng đồng	けんこうすいしんか健康推進課	0185-74-7758	Trang web Ủy ban thị trấn Mitane
18	Ủy ban thị trấn Happa	八峰町役場	Phòng phúc lợi bảo hiểm xã hội	ふくしほけんか福祉保健課	0185-76-4608	Trang web Ủy ban thị trấn Happa
19	Ủy ban thị trấn Gojome	五城目町役場	Phòng phúc lợi sức khỏe	けんこうふくしか健康福祉課	018-852-5180	Trang web Ủy ban thị trấn Gojome
20	Ủy ban thị trấn Hachirogata	八郎潟町役場	Phòng phúc lợi sức khỏe	けんこうふくしか健康福祉課	018-875-2800	Trang web Ủy ban thị trấn Hachirogata
21	Ủy ban thị trấn Ikawa	井川町役場	Phòng phúc lợi sức khỏe	けんこうふくしか健康福祉課	018-874-4426	Trang web Ủy ban thị trấn Ikawa
22	Ủy ban thôn Ogata	大湯村役場	Trung tâm bảo hiểm thôn Ogata	おおがたむらほけん大湯村保健センター	0185-45-2613	—
23	Ủy ban thị trấn Misato	美郷町役場	Phòng chăm sóc trẻ em	こども子育て課	0187-84-4904	Trang web Ủy ban thị trấn Misato
24	Ủy ban thị trấn Ugo	羽後町役場	Phòng phúc lợi bảo hiểm xã hội	ふくしほけんか福祉保健課	0183-62-2111	Trang web Ủy ban thị trấn Ugo
25	Ủy ban thôn Higashi Naruse	東成瀬村役場	Phòng phúc lợi sức khỏe	けんこうふくしか健康福祉課	0182-47-3410	Trang web Ủy ban thôn Higashi Naruse

Thông tin vào tháng 5 năm 2025(hiện tại)

2025年5月現在の情報です